

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2023/DS-ST

Ngày: 31/5/2023

V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Ngọc Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện – Công chức hưu trí;

2. Ông Lê Văn Công – Công chức hưu trí.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Phạm Thanh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 307/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 5 năm 2023, giữa:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB); trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, tòa nhà Sailing Tower - 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Trường C, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng.

- Ông Lê Anh P, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng.

- Ông Trần Đức T, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng.

Địa chỉ: Số 26 U, Phường 25, quận K, Thành phố E.

Là đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 19/7/2022), ông T có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Trần Văn D, sinh năm 1982; nơi cư trú: khu phố B, phường L, thành phố A, tỉnh D, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

- Ông Trần Văn D có vay vốn của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (gọi tắt là VIB) – PGD Dĩ An, hai bên có ký kết các hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 9268400.20 ngày 25/6/2020, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ cùng ngày 25/6/2020, với nội dung cụ thể như sau: Số tiền vay là 810.000.0000 đồng, thời hạn vay: 96 tháng (từ ngày 26/6/2020 đến ngày 25/6/2028), mục đích vay: Mua xe oto nhãn hiệu MAZDA CX-5, lãi suất thời điểm cho vay: 9,4% năm, ưu đãi trong 12 tháng đầu tiên, sau đó lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh 03 tháng/01 lần theo lãi suất cơ sở trong kì của VIB cộng với biên độ 3,9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, nợ gốc và lãi trả vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên là ngày 15/7/2020.

- Ngày 26/6/2020, ông D có đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản (sau đây gọi là hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng), hạn mức tín dụng là 40.000.000 đồng, loại thẻ VIB Online Plus, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất theo quy định của VIB từng thời kỳ được công bố trên trang chủ của VIB.

- Để đảm bảo cho khoản vay đối với Hợp đồng tín dụng, hai bên đã ký kết Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 4109959.20 ngày 25/6/2020, tài sản đảm bảo là 01 oto con, nhãn hiệu Mazda CX-5, màu trắng; số khung RN2KW5326LM030898; số máy PY21369961; BS 61A – 776.43.

- Quá trình thực hiện hợp đồng, VIB đã giải ngân cho ông D số tiền 810.000.000 đồng, tuy nhiên:

+ Đối với hợp đồng tín dụng: Ông D chỉ mới thanh toán số tiền 296.148.251 đồng, trong đó nợ gốc là 168.750.000 đồng và 127.398.251 đồng tiền lãi, từ ngày 15/02/2022, ông D không tiếp tục thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào cho VIB. Do ông D vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên VIB đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D phải thanh toán 641.250.000 đồng nợ gốc, 20.238.904 đồng tiền lãi trong hạn, 128.179.726 đồng tiền lãi quá hạn (tạm tính đến 31/5/2023)

+ Đối với thẻ tín dụng: Còn nợ 61.885.542 đồng nợ gốc, 24.742.925 đồng tiền lãi và 29.573.862 đồng nợ phí (tạm tính đến 31/5/2023).

Tổng số tiền ông D còn phải thanh toán cho VIB là 905.870.959 đồng. Đề nghị buộc ông D tiếp tục thanh toán tiền lãi kể từ ngày 01/6/2023, VIB không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Hợp đồng tín dụng, đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp, hợp đồng mở thẻ tín dụng, bảng điều chỉnh lãi suất, sao kê tài khoản, lịch sử giao dịch ... (bản photo).

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không đến Tòa án làm việc, không cung

cấp văn bản trình bày ý kiến và tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền của Tòa án và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ khu phố B, phường L, thành phố A, tỉnh D. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ông Trần Văn D có vay vốn của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, hai bên có ký kết hợp đồng tín dụng số: 9268400.20 ngày 25/6/2020 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 26/6/2020. Nội dung thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, VIB đã giải ngân số tiền 810.000.0000 đồng theo đề nghị giải ngân khế ước nhận nợ ngày 25/6/2020 và thực hiện cấp tín dụng qua thẻ tín dụng mà ông D đã sử dụng. Số tiền ông D đã trả được (đối với hợp đồng tín dụng để mua xe oto) là 296.148.251 đồng, trong đó nợ gốc là 168.750.000 đồng và 127.398.251 đồng tiền lãi, từ ngày

15/02/2022, ông D không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào nữa. Đối với nợ thẻ tín dụng: Quá trình sử dụng, ông D đã thực hiện giao dịch nhiều lần từ 25/07/2020, sau đó ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên VIB đã chuyển dư nợ sang nợ quá hạn, số tiền nợ thẻ tín dụng còn phải trả là 61.885.542 đồng nợ gốc, 24.742.925 đồng tiền lãi và 29.573.862 đồng nợ phí, tổng cộng là 170.519.116 đồng.

[2.3] Về tiền lãi, mức lãi suất và tiền phí: Hợp đồng tín dụng, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên ký kết thuộc trường hợp vay có lãi, mức lãi suất, phí dịch vụ (sử dụng thẻ tín dụng) mà các bên đã thỏa thuận là phù hợp với quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2.4] Hợp đồng được ký kết giữa hai bên là hợp đồng song vụ, quyền và nghĩa vụ của các bên bị ràng buộc theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của mình làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Theo quy định tại Hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, nếu bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán mặc dù chưa đến hạn thì nguyên đơn có quyền thực hiện các biện pháp thu hồi nợ trước hạn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi và tiền phí là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự và Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.5] Về biện pháp bảo đảm và yêu cầu phát mãi tài sản: Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Các Điều 318, 319, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự;
- Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng;
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Trần Văn D.

Buộc ông Trần Văn D phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam số tiền 905.870.959 đồng, trong đó:

+ Đối với hợp đồng tín dụng số 9268400.20 ngày 25/6/2020: Nợ gốc là 641.250.000 đồng, 20.238.904 đồng tiền lãi trong hạn, 128.179.726 đồng tiền lãi quá hạn.

+ Đối với hợp đồng mở thẻ tín dụng ngày 25/6/2020: Nợ gốc là 61.885.542 đồng, 24.742.925 đồng tiền lãi và 29.573.862 đồng nợ phí.

Kể từ ngày 01/6/2023, bị đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn D phải chịu 39.176.129 đồng (*ba mươi chín triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn, một trăm hai mươi chín đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam số tiền 16.888.500 đồng (*mười sáu triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003742 ngày 14/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP.Thuận An;
- Chi cục THADS TP.Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Quang Ngọc Nhân